

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống,
thiết bị dẫn đường, giám sát và bay đánh giá phương thức bay
bằng thiết bị trong lĩnh vực hàng không dân dụng***Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;**Căn cứ Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát và bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị trong lĩnh vực hàng không dân dụng.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về:

- a) Bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát;
- b) Bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị;
- c) Tổ chức cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát;
- d) Tổ chức cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn và bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát; bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị.

Điều 2. Quy ước viết tắt

Trong Thông tư này, các chữ viết tắt được hiểu như sau:

1. ADS-B (Automatic Dependent Surveillance - Broadcasting): Giám sát phụ thuộc tự động - Chế độ phát quảng bá.
2. AIP (Aeronautical Information Publication): Tập thông báo tin tức hàng không.
3. DME: (Distance Measuring Equipment): Thiết bị đo cự ly bằng vô tuyến.
4. FMS (Flight Management System): Hệ thống dẫn đường và quản lý chuyến bay, trên tàu bay.
5. FVP (Flight Validation Pilot): Người lái thực hiện bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị.
6. GBAS (Ground Based Augmentation System): Hệ thống tăng cường độ chính xác của tín hiệu vệ tinh dẫn đường, đặt trên mặt đất.
7. GNSS (Global Navigation Satellite System): Hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu.
8. GP (Glide Path): Đài chỉ góc hạ cánh thuộc hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
9. ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.
10. IFP (Instrument Flight Procedure): Phương thức bay bằng thiết bị.
11. ILS (Instrument Landing System): Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
12. LOC (Localizer): Đài chỉ hướng hạ cánh thuộc hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
13. MM (Middle Marker): Đài chỉ mốc vô tuyến giữa thuộc hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
14. NDB (Non Directional Radio Beacon): Đài dẫn đường vô hướng.
15. NOTAM (Notice To Airmen): Điện văn thông báo hàng không.
16. OM (Outer Marker): Đài chỉ mốc vô tuyến ngoài thuộc hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
17. PAPI (Precision Approach Path Indicator): Hệ thống đèn chỉ thị đường trượt tiếp cận chính xác.
18. PBN (Performance Based Navigation): Dẫn đường dựa vào tính năng tàu bay.
19. PSR (Primary Surveillance Radar): Ra đa giám sát sơ cấp.
20. RNAV (Area Navigation): Dẫn đường khu vực.
21. RNP (Required Navigagtion Performance): Tính năng dẫn đường theo yêu cầu.

22. SID (Standard Instrument Departure) Phương thức khởi hành tiêu chuẩn sử dụng thiết bị.

23. SSR (Secondary Surveillance Radar): Ra đa giám sát thứ cấp.

24. UTC (Universal Time Coordination): Giờ quốc tế.

25. VFR (Visual Flight Rule): Quy tắc bay bằng mắt.

26. VHF AM (Very High Frequency - Amplitude Modulation): Sóng cực ngắn - điều chế biên độ.

27. WGS-84 (World Geodetic System): Hệ trắc địa (Hệ tọa độ toàn cầu).

28. VOR (Very High Frequency Omnidirectional Radio Range): Đài dẫn đường đa hướng, sóng cực ngắn.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ tiếng Anh, tiếng Việt được hiểu như sau:

1. Autopilot: Hệ thống lái tự động trên tàu bay.
2. Flight Ability: Đủ điều kiện bay.
3. Flight Inspection Aircraft: Tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn.
4. Flight Inspector: Nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn.
5. Flight Testing, Inspection: Bay kiểm tra, hiệu chuẩn.
6. Flight Simulator: Thiết bị bay giả định.
7. Flight Validation: Bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị.
8. Mode A (chế độ A): Làm kích hoạt bộ phát đáp trả lời để nhận dạng và giám sát tàu bay.
9. Mode C (chế độ C): Làm kích hoạt bộ phát đáp trả lời để phát độ cao theo khí áp và giám sát tàu bay.
10. Mode S (chế độ S): Để trao đổi thông tin giám sát và dữ liệu liên lạc có chọn lựa với riêng từng bộ phát đáp chế độ S. Đối với mỗi lần hỏi, chỉ duy nhất bộ phát đáp có địa chỉ được xác định trong tín hiệu hỏi bị kích hoạt trả lời.
11. Position reference system: Hệ thống quy chiếu vị trí chuẩn.
12. Độ lợi ăng ten: Là tỷ số cường độ bức xạ của ăng ten theo một hướng cụ thể so với việc nó bức xạ các tín hiệu đồng đều theo tất cả các hướng. Khi một ăng ten nhận hoặc truyền tín hiệu, nó được tập trung vào một hướng hoặc một phía nhất định và thu hẹp vùng phủ sóng bởi vậy tăng cường tín hiệu trong một vùng hẹp, đó gọi là độ lợi.

Chương II **BAY KIỂM TRA, HIỆU CHUẨN** **HỆ THỐNG, THIẾT BỊ DẪN ĐƯỜNG, GIÁM SÁT**

Mục 1 **QUY ĐỊNH CHUNG VỀ BAY KIỂM TRA HIỆU CHUẨN** **HỆ THỐNG, THIẾT BỊ DẪN ĐƯỜNG, GIÁM SÁT**

Điều 4. Mục đích bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát

Bay kiểm tra, hiệu chuẩn được thực hiện trên không, bởi người lái tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn và nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn, sử dụng tàu bay có trang bị phù hợp nhằm mục đích kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát trên mặt đất và theo dõi, đánh giá chất lượng hệ thống, thiết bị dẫn đường vô tuyến dựa vào vệ tinh.

Điều 5. Hệ thống, thiết bị dẫn đường phải bay kiểm tra, hiệu chuẩn định kỳ

Hệ thống, thiết bị dẫn đường phải bay kiểm tra, hiệu chuẩn định kỳ bao gồm:

1. Đài VOR;
2. Đài NDB;
3. Đài GP;
4. Đài LOC;
5. Đài MM;
6. Đài OM;
7. Thiết bị DME;
8. Hệ thống đèn phụ trợ dẫn đường hàng không;
9. Hệ thống PAPI;
10. Hệ thống GBAS.

Điều 6. Hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát phải bay kiểm tra, hiệu chuẩn nghiệm thu

1. Tất cả các hệ thống, thiết bị dẫn đường quy định tại Điều 5 của Thông tư này và PSR, SSR sử dụng trong ngành Hàng không dân dụng Việt Nam khi đưa vào khai thác phải được bay kiểm tra, hiệu chuẩn nghiệm thu.

2. Hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát sau khi được sửa chữa lớn hoặc thay đổi ăng ten, công suất máy phát, tần số hoặc dừng khai thác quá 03 tháng phải được bay kiểm tra, hiệu chuẩn nghiệm thu lại.

Điều 7. Tổ chức cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát phải có ba bộ phận: tổ bay kiểm tra, hiệu chuẩn; tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn; hệ thống, thiết bị bay kiểm tra, hiệu chuẩn.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn phải có giấy phép do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc có giấy phép do Cơ quan quản lý nhà nước về hàng không dân dụng quốc gia khác cấp và giấy phép này phải được Cục Hàng không Việt Nam công nhận.

Điều 8. Tổ bay kiểm tra, hiệu chuẩn

1. Tổ bay kiểm tra, hiệu chuẩn phải có ít nhất 02 (hai) người lái tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn và 02 (hai) nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn.

2. Thành viên tổ bay kiểm tra, hiệu chuẩn phải có đủ điều kiện và được cấp giấy phép theo quy định tại Điều 53 và Điều 54 của Thông tư này.

Điều 9. Nhiệm vụ của nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn

1. Đảm bảo việc kiểm tra, đo lường chính xác các thông số của hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát trong quá trình bay kiểm tra, hiệu chuẩn.

2. Phối hợp, yêu cầu nhân viên kỹ thuật mặt đất hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật của hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát theo đúng tiêu chuẩn quy định, trong quá trình bay kiểm tra, hiệu chuẩn.

3. Xác nhận về kết quả tình trạng chất lượng của hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát đã được bay kiểm tra, hiệu chuẩn một cách chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm đối với xác nhận này.

Điều 10. Nhiệm vụ của người lái tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn

1. Đảm bảo điều khiển tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn bay chính xác theo đúng các bài bay đã được Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

2. Xác nhận một cách chính xác, trung thực về đủ điều kiện bay của IFP truyền thống.

Điều 11. Yêu cầu cơ bản đối với tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn

Tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Phụ đính 1 Chương 1 Tài liệu 8071 về kiểm tra phụ trợ dẫn đường vô tuyến của ICAO (Doc 8071 Volume 1).

Điều 12. Yêu cầu cơ bản đối với hệ thống, thiết bị bay kiểm tra, hiệu chuẩn

1. Hệ thống, thiết bị bay kiểm tra, hiệu chuẩn trên tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn được sử dụng để xác định hiệu lực tín hiệu vô tuyến của hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát dưới mặt đất, phải giảm thiểu mức độ đo lường không tin cậy đang thực hiện đến mức thấp nhất.